

子女姓氏約定書

中文	本人 年 月 日出生之子女，約定從 ☐ 父 ☐ 母 姓，並命名為： 。
英文	We agreed that our child, born on _____ (date) will bear the ☐ father's or the ☐ mother's surname and he / she will be named : .
越南文	Nay con cái của tôi sinh ngày ____ tháng ____ năm ____, giao hẹn theo họ ☐ Cha , ☐ Mẹ và đặt tên là _____.
印尼文	Dengan ini menyatakan bahwa anak saya yang lahir pada tahun bulan tanggal berikut, akan mengikuti marga (ayah 父/ibu 母), dan diberi nama : _____
泰文	ข้าพเจ้าขอรับรองบุตรที่เกิดในวันที่ ____ เดือน ____ ปี ____ เป็นบุตรของข้าพเจ้า และจะใช้นามสกุลตามนามสกุลของ ☐ บิดา ☐ มารดา และตั้งชื่อบุตรว่า : _____
柬埔寨文	 kUnrbs;`EdlekItenAéƒ¶TI Ex qñaM) ☐ ansnıtdak;namtamnamrbs; ☐ ehIydak;eQµaH ³ _____ . «Buk mṑay

立約定書人：父（夫）：_____（簽章）

國民身分證：
分證號：_____

立約定書人：母（妻）：_____（簽章）

國民身分證：
分證號：_____

中 華 民 國 年 月 日